TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/DS-ST
Ngày: 08-7-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bền
2. Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6, ngày 01 và 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T

Địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T1 – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý công nợ.

Người được uỷ quyền lại: Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1985

Địa chỉ liên lạc: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền số 13/2023/UQ-JIVF ngày 29/5/2023 và Giấy ủy quyền số 585/2023/UQLM-JIVF ngày 26/10/2023)

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thu O, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(anh P có mặt, chị O vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 29 tháng 6 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T Jaccs anh Nguyễn Hồng P trình bày:

Vào ngày 30/9/2022, chị Lê Thị Thu O và Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty) đã ký Hợp đồng tín dụng số 930080003183149000 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với nội dung chị O vay của Công ty số tiền 30.000.000đồng, thời hạn vay là 18 tháng, mục đích vay là mua sản phẩm thiết bị điện tử trong nhà, lãi suất vay là 3,87%/tháng (46,44%/năm) theo dư nợ giảm dần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi từng kỳ theo tháng vào ngày 31 hàng tháng (nếu ngày đến hạn trả nợ trùng ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì đến hạn trả nợ là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó) với số tiền thanh toán mỗi kỳ gồm vốn, lãi và phí là 2.356.828đồng, kỳ cuối trả vào ngày 01/4/2024 với số tiền 2.109.803đồng. Chị O đã nhận đủ số tiền vay là 30.000.000đồng theo hình thức nhận chuyển khoản vào tài khoản số 150114849145748 do chị O đứng tên chủ tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X chi nhánh M. Sau khi vay, từ ngày 28/10/2022 đến ngày 12/4/2023, chị O đã trả được 7.998.214đồng tiền nợ gốc, 6.070.754đồng tiền lãi trong hạn, 13.597đồng tiền lãi quá hạn và 72.000đồng phí quản lý khoản vay, tổng cộng là 14.154.565đồng. Sau đó, chị O không tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty mà cố tình trốn tránh. Tính đến ngày 29/6/2023, chị O còn nợ lại tiền nợ gốc là 22.001.786đồng, tiền lãi là 2.539.204đồng, tiền lãi quá hạn là 78.238đồng, phí quản lý khoản vay là 24.000đồng. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu chị O phải trả cho Công ty một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty, số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2023 là 24.643.228đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 29/6/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu chị Lê Thị Thu O phải thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 28/6/2024 là 36.678.847đồng (trong đó nợ gốc là 22.001.786đồng, tiền lãi trong hạn là 11.077.224đồng, tiền lãi quá hạn là 3.599.837đồng) và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 28/6/2024 đến ngày trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng; không tính tiền lãi (trong hạn và quá hạn) trong thời gian từ sau ngày 29/4/2024 đến ngày 28/6/2024 và 144.000đồng phí quản lý khoản vay, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn chị Lê Thị Thu O: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vốn, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn; không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi không đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Thu O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau: Công ty và chị Lê Thị Thu O đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 30/9/2022 với nội dung Công ty cho chị O vay số tiền 30.000.000đồng, thời hạn vay là 18 tháng, mục đích vay là mua sản phẩm thiết bị điện tử trong nhà, lãi suất vay là 3,87%/tháng (46,44%/năm) theo dư nợ giảm dần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ gốc và lãi từng kỳ theo tháng, trả vào ngày 31 hàng tháng (nếu ngày đến hạn trả nợ trùng ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì đến ngày hạn trả nợ là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó) với số tiền thanh toán mỗi kỳ gồm vốn, lãi và phí là 2.356.828đồng, kỳ cuối trả vào ngày 01/4/2024 với số tiền 2.109.803đồng. Chị O đã nhận đủ số tiền vay là 30.000.000đồng. Sau khi vay, từ ngày 28/10/2022 đến ngày 12/4/2023, chị O đã trả tiền nợ gốc là 7.998.214đồng, tiền lãi trong hạn là 6.070.754đồng, lãi quá hạn là 13.597đồng và phí quản lý khoản vay là 72.000đồng, tổng cộng là 14.154.565đồng. Sau đó, chị O không tiếp tục thanh toán nợ cho Công ty. Công ty đã nhiều lần yêu cầu chị O thanh toán số nợ trên nhưng chị O không thực hiện.

[2.2] Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bị đơn đã được thông báo các văn bản tố tụng, đã được nhận bản sao các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với lời trình bày

của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nguyên đơn trình bày nêu trên là sự thật.

[2.3] Hợp đồng tín dụng giữa Công ty và chị Lê Thị Thu O được giao kết vào ngày 30/9/2022 trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, căn cứ vào Điều 117 và 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 30/9/2022 và những thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Các điều kiện giao dịch chung của Công ty được công bố trên trang mạng (hay còn gọi là website) của Công ty có giá trị ràng buộc các bên khi tham gia giao dịch.

[2.4] Căn cứ vào tài liệu Lệnh chuyển có do Ngân hàng Thương mại Cổ phần X cung cấp thể hiện ngày 03/10/2022 chị Lê Thị Thu O đã được Công ty chuyển vào tài khoản số 150114849145748 do chị O đứng tên chủ tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần X chi nhánh M số tiền 30.000.000đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị O đã nhận số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2.5] Bảng kê lịch sử thanh toán chi tiết ngày 14/6/2023 của Công ty thể hiện bị đơn chị Lê Thị Thu O đã thường xuyên thanh toán trễ hạn và chỉ thanh toán được tổng số tiền 14.154.565đồng, lần thanh toán cuối cùng là ngày 12/4/2023, sau đó ngừng thanh toán luôn cho đến nay. Như vậy, chị O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng ngày 30/9/2022.

[2.6] Về số tiền phải trả, xét thấy:

[2.6.1] Về số tiền nợ gốc: Chị O đã nhận số tiền vay là 30.000.000đồng. Theo Bảng kê lịch sử thanh toán chi tiết ngày 14/6/2023 của Công ty, tính đến ngày xét xử, bị đơn chị Lê Thị Thu O đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 7.998.214đồng, còn nợ lại số tiền nợ gốc là 22.001.786đồng. Theo Hợp đồng tín dụng, chị O phải thanh toán tiền nợ gốc theo từng kỳ hàng tháng và ngày đến hạn cuối cùng theo hợp đồng là ngày 01/4/2024. Do đó, tính đến ngày 28/6/2024 là đã đến hạn toàn bộ khoản tiền nợ gốc nên chị O phải thanh toán cho Công ty toàn bộ nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 22.001.786đồng.

[2.6.2] Về tiền lãi:

[2.6.2.1] Công ty không tính lãi trong hạn và lãi quá hạn trong thời gian từ ngày 30/4/2024 đến ngày 28/6/2024. Xét thấy, việc Công ty không tính lãi đối với số tiền nợ của chị O trong thời gian này là tự nguyện và có lợi cho chị O nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc không tính lãi trong thời gian này của Công ty.

[2.6.2.2] Theo Bảng kê tiền lãi quá hạn chi tiết và Bảng kê tiền lãi chi tiết của Lê Thị Thu O tính đến ngày 28/6/2024 cho thấy: Công ty đã tính lãi trong hạn với lãi suất 46,44%/năm trên số tiền vay chưa thanh toán từ khi vay đến ngày

29/4/2024. Đồng thời, tính lãi quá hạn đối với các khoản tiền nợ gốc đến hạn chưa thanh toán với lãi suất 23,22%/năm đến ngày 07/3/2024 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 69,66%/năm trên toàn bộ dư nợ. Trên cơ sở đó, Công ty đã xác định chị O còn nợ lại tiền lãi trong hạn là 11.077.224đồng và tiền lãi quá hạn là 3.599.837đồng. Xét thấy:

[2.6.2.2.1] Căn cứ vào các bảng kê tính lãi trên, Công ty áp dụng mức lãi suất trong hạn là 46,44%/tháng và lãi suất quá hạn là 69,66%/năm là phù hợp quy định tại Điều 1 của Hợp đồng tín dụng và mục I của báo cáo số 671/2022/BC-SAL ngày 31/8/2022 của Công ty về khung lãi suất cho vay tiêu dùng và Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sau đây gọi tắt là Thông tư 39).

[2.6.2.2.2] Do chị O thường xuyên thanh toán trễ hạn nên Công ty đã chuyển số tiền vốn gốc chưa trả theo từng kỳ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn đối với số tiền vốn gốc quá hạn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản (3) mục 1.2 Điều 1 của Các điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của JIVF và Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng, ngày đến hạn trả nợ được chọn là ngày 31 hàng tháng và nếu ngày đến hạn của kỳ nào trùng với ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày đến hạn trả nợ của kỳ đó là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó nên ngày chuyển nợ quá hạn của các khoản tiền vốn hàng tháng mà chị O vi phạm thời hạn trả phải là ngày của tháng tiếp theo. Tuy nhiên, theo Bảng kê tiền lãi quá hạn chi tiết của Lê Thị Thu O tính đến ngày 28/6/2024, Công ty lại chuyển tính lãi quá hạn vào ngày cuối tháng đối với các khoản nợ gốc đến hạn là chưa phù hợp với quy định trên với những khoản tiền và thời gian chuyển nợ quá hạn cụ thể như sau: 1.455.216đồng vào ngày 28/02/2023, 1.413.858đồng vào ngày 31/3/2023, 1.589.003đồng vào ngày 31/5/2023, 1.505.023đồng vào ngày 30/6/2023, 1.477.029đồng vào ngày 31/7/2023, 1.477.029đồng vào ngày 31/8/2023, 1.533.016đồng vào ngày 31/10/2023, 1.505.023đồng vào ngày 30/11/2023, 1.533.016đồng vào ngày 31/01/2024 và 1.533.016đồng vào ngày 29/02/2024. Như vậy, các khoản tiền vốn này phải được tính tiền lãi quá hạn vào thời điểm cụ thể là: 1.455.216đồng vào ngày 01/3/2023, 1.413.858đồng vào ngày 03/4/2023, 1.589.003đồng vào ngày 01/6/2023, 1.505.023đồng vào ngày 03/7/2023, 1.477.029đồng vào ngày 01/8/2023, 1.477.029đồng vào ngày 04/9/2023, 1.533.016đồng vào ngày 01/11/2023, 1.505.023đồng vào ngày 01/12/2023, 1.533.016đồng vào ngày 01/02/2024 và 1.533.016đồng vào ngày 01/3/2024.

[2.6.2.2.3] Công ty đã thông báo thu hồi nợ theo Thông báo thu hồi nợ ngày 22/6/2023 với nội dung xác định thông tin khoản vay có tổng dư nợ là 24.463.960đồng, số ngày thanh toán trễ hạn là 49 ngày và yêu cầu thực hiện nghĩa

vụ thanh toán nợ với số tiền thanh toán ngay là 24.463.960đồng. Đồng thời, theo Bảng kê tiền lãi quá hạn chi tiết của Lê Thị Thu O tính đến ngày 28/6/2024, Công ty chỉ tính lãi quá hạn đối với số tiền vốn trả theo kỳ nhưng chị O chưa thực hiện trả nợ; đến ngày 07/3/2024, Công ty mới chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn. Xét thấy: Tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định "… Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo tối thiểu bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.". Trong khi đó, theo Thông báo thu hồi nợ ngày 22/6/2023 nêu trên, Công ty chỉ nêu thông tin khoản vay, tổng dư nợ, số ngày thanh toán trễ hạn, số tiền thanh toán ngay mà không có các nội dung về thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo quy định trên của Ngân hàng N. Do đó, việc Công ty chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 07/3/2024 đến ngày 01/4/2024 trong khi chưa thực hiện việc Thông báo chuyển nợ quá hạn là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng ngày 30/9/2022 và khoản 1 Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

[2.6.2.2.4] Như nhận định trên, ngày đến hạn của toàn bộ dư nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng ngày 30/9/2022 là ngày 01/4/2024 nên thời điểm chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là ngày 02/4/2024.

[2.6.2.2.5] Bảng kê tiền lãi quá hạn chi tiết và Bảng kê tiền lãi chi tiết của Lê Thị Thu O tính đến ngày 28/6/2024 cho thấy trong khoảng thời gian từ ngày 07/3/2024 đến ngày 29/4/2024, Công ty đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn là 69,66%/năm trên số tiền trễ hạn nhưng vẫn tính lãi trong hạn với lãi suất 46,44%/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng "Đối với số dư nợ gốc mà Bên vay không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận thì Bên cho vay có quyền chuyển toàn bộ dư nợ gốc này sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn" và theo quy định tại điểm b khoản (3) mục 1.2 Điều 1 của Các điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của JIVF "Trường hợp khoản nợ vay có lãi bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.". Do đó, việc Công ty đã chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn mà vừa áp dụng lãi suất trong hạn, vừa áp dụng lãi suất quá hạn của số dư nợ từ ngày 07/3/2024 là chưa phù hợp các quy định trên và điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN

nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc Công ty vừa tính lãi suất trong hạn vừa tính lãi suất nợ quá hạn trong thời gian từ ngày 07/3/2024 đến ngày 01/4/2024 và tính lãi suất nợ trong hạn trong thời gian từ ngày 02/4/2024 đến ngày 29/4/2024.

[2.6.2.2.6] Đồng thời, do ngày đến hạn của toàn bộ khoản vay là ngày 01/4/2024 nên tiền lãi trong hạn chỉ được tính đến ngày 01/4/2024. Như vậy, tổng tiền lãi trong hạn là 16.364.160đồng. Chị O đã trả được 6.070.754đồng nên còn nợ lại số tiền lãi trong hạn là 10.321.399đồng.

[2.6.2.2.7] Như vậy, số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 29/4/2024 là 3.391.604đồng, chị O đã trả được 13.597đồng nên còn nợ lại 3.378.007đồng.

[2.6.3] Đối với tiền phí là 144.000đồng, tại phiên tòa, Công ty không yêu cầu chị O phải trả. Đồng thời, căn cứ vào Các điều kiện giao dịch chung của Công ty được công bố trên trang mạng (hay còn gọi là website) của Công ty năm 2022, không có phí quản lý khoản vay nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị O không phải trả khoản phí này.

[2.6.4] Như vậy, tính đến ngày 28/6/2024, chị O còn phải trả cho Công ty số tiền vốn là 22.001.786đồng, tiền lãi trong hạn là 10.321.399đồng và tiền lãi quá hạn là 3.378.007đồng, tổng cộng là 35.673.199đồng. Do đó, việc Công ty yêu cầu chị O phải trả số tiền 36.678.847đồng là có phần chưa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần phù hợp với nhận định trên.

[2.7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ cùng tiền lãi phát sinh từ sau ngày 28/6/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trong thời gian nhất định là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn chị Lê Thị Thu O có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng đối với yêu cầu của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 401 của Bộ luật

Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 13 và 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T.

Buộc bị đơn chị Lê Thị Thu O có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Công ty T Jaccs số tiền là 35.673.199đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 28/6/2024 cho đến khi trả hết nợ tương ứng với số tiền vốn 22.001.786đồng theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 30/9/2022 cùng Các điều kiện giao dịch chung sản phẩm cho vay của JIVF của Công ty T Jaccs kèm theo giữa Công ty T và chị Lê Thị Thu O. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T Jaccs đối với yêu cầu bị đơn chị Lê Thị Thu O trả số tiền lãi trong hạn và số tiền lãi quá hạn là 1.005.648đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thu O phải chịu 1.783.660đồng.

Công ty T phải chịu 300.000đồng. Công ty T đã nộp 616.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010515 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 316.000đồng.

4/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Trúc